

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày 30/8/2019.

*“V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điều SMi – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2018/TLST- DS, ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS, ngày 14/8/2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K Đ, huyện Đ R L, tỉnh Đ N – Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn 4, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

Vào ngày 11 tháng 02 năm 2017 tôi có cho anh Nguyễn N vay số tiền 215.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy nợ với nhau nhưng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 11/5/2017. Đến hạn trả nợ anh N không trả cho tôi, mặc dầu tôi đã đòi nhiều lần nhưng anh N vẫn không trả.

Vì vậy, nay tôi yêu cầu anh Nguyễn N phải trả cho tôi số tiền gốc 215.000.000 và lãi suất quá hạn kể từ ngày 12/5/2017 cho đến khi kết thúc vụ án.

Về án phí: Anh Nguyễn N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn N trình bày:*

Khoảng tháng 9 năm 2016 vì cần tiền để đáo hạn ngân hàng, tôi cùng với vợ tôi là bà Nguyễn Thị K có vay của chị Bùi Thị L với số tiền 200.000.000 đồng, hai bên đã thỏa thuận với nhau lãi suất 5000đồng/1000.000đồng/1 ngày. Hai bên đã

viết hợp đồng vay có công chứng tại chính quyền địa phương.

Sau khi đã đáo hạn ngân hàng xong tôi đã trả cho chị L số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ lại chị L 50.000.000 đồng. Sau đó tôi và chị L thỏa thuận số tiền 50.000.000 đồng sẽ trả vào tháng 10 năm 2016, lãi suất vẫn tiếp tục tính 5000đồng/1000.000đồng/1 ngày.

Đến hạn trả nợ tôi chưa có tiền để trả tiền gốc và lãi suất, chị L vào nhà tôi cùng tôi tính tiền thành 115.000.000 đồng, tôi đồng ý bán bộ bàn ghế cho chị L với số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 45.000.000 đồng và hẹn đến cuối tháng 01 năm 2017 sẽ trả (thỏa thuận miệng).

Đến cuối tháng 01 năm 2017 tôi cũng chưa có tiền để trả nên chị L tính cả gốc và lãi thành 215.000.000 đồng (*Hai trăm mười lăm triệu đồng*) và viết giấy nợ vào ngày 11/02/2017.

Hợp đồng vay lúc đầu có công chứng giữa tôi và chị L; Giấy nợ sau khi đã trừ bộ bàn ghế hiện nay tôi không có, tôi đã giao cho chị L cầm nên tôi không cung cấp được cho tòa án.

Chữ ký trong giấy vay nợ ngày 11/02/2017 là chữ ký của tôi là đúng. Tuy nhiên trong số tiền 215.000.000 đồng có 50.000.000 đồng tiền gốc. Nay tôi xin trả cho chị L một nửa số tiền nói trên là 107.500.000 đồng và xin chị L không tính lãi với tôi nữa.

Anh N thừa nhận số tiền nói trên là nợ riêng của anh N không liên quan gì đến vợ của anh N là chị Nguyễn Thị K.

Về án phí tôi đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

*** Người làm chứng chị Nguyễn Thị K trình bày:**

Trước khi sống ly thân với anh N thì hai vợ chồng anh chị có vay của chị L với số tiền 230.000.000 đồng để đáo hạn tiền vay ngân hàng. Sau khi đáo hạn xong thì đã trả cho chị L số tiền 180.000.000 đồng và còn nợ lại 50.000.000 đồng, sau đó hai bên đã viết lại giấy vay nợ với nhau, thỏa thuận lãi với nhau bằng miệng 50.000.000đ/1 ngày/300.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên không có giấy tờ gì để cung cấp cho tòa án.

Năm 2016 tôi có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của chị L là thành 100.000.000 đồng. Mỗi tháng tôi trả tiền lãi cho chị L 12.500.000 đồng và đã trả lãi hơn 01 năm thì không trả nữa. Tôi trả tiền lãi cho chị L không có giấy tờ gì nên không cung cấp được cho tòa án.

Cùng năm 2016 chị L vào nhà tôi và chồng tôi đã bán bộ bàn ghế cho chị L với số tiền 70.000.000 đồng và đã trừ vào số nợ tôi vay thêm của chị L nói trên.

Năm 2017 tôi và anh Nguyễn N sống ly thân với nhau nên tôi không biết số tiền 215.000.000 đồng anh N ký nợ với chị L từ đâu mà ra, đây không phải là nợ chung của tôi với anh N. Anh N vay nợ của chị L đúng như giấy vay nợ mà chị L cung cấp cho Tòa án là đúng thì anh N phải tự chịu trách nhiệm, vì số tiền này anh N nợ chị L sau khi tôi bỏ nhà đi và sống ly thân với anh N.

Chị K yêu cầu tòa án giải quyết vụ án và cho chị vắng mặt.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 215.000.000 đồng và yêu cầu anh Nguyễn N phải trả lãi suất quá hạn từ ngày 12/5/2017 cho đến khi kết thúc vụ án ngày 30 tháng 8 năm 2019.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:**

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Tranh chấp được thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, được thụ lý, giải quyết đúng theo các Điều 26; 35; 39-BLTTDS 2015.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị L.

Anh Nguyễn N phải trả cho chị Bùi Thị L số tiền gốc 215.000.000 và lãi suất quá hạn từ ngày 12/5/2017 cho đến khi kết thúc vụ án là có căn cứ và buộc anh Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án đồng thời tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định pháp luật nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn anh Nguyễn N có hộ khẩu tại thôn 4, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị yêu cầu anh Nguyễn N phải trả số tiền 215.000.000 đồng và lãi suất quá hạn mà anh N đã ký giấy vay nợ ngày 11/2/2017 hai bên không thoả thuận với nhau về lãi suất nhưng có thoả thuận với nhau về thời hạn trả nợ vào ngày 11/5/2017.

Do đó chị Bùi Thị L khởi kiện anh Nguyễn N, yêu cầu anh N phải trả số tiền 215.000.000 và lãi suất quá hạn từ ngày 12/5/2017 cho đến khi kết thúc vụ án; Bị đơn anh Nguyễn N đồng ý tờ giấy nợ ngày 11/02/2017 là do anh N ký, nhưng trong số tiền 215.000.000 đồng thì có 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi, bị đơn xin trả một nửa trong số tiền nợ nói trên là 107.500.000 đồng và xin nguyên đơn không tính lãi suất thêm nữa. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy vay tiền ngày 11/02/2017 thể hiện chị Bùi Thị L có cho anh Nguyễn N vay số tiền 215.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 11/5/2017. Nguyên đơn trình bày kể từ ngày cho anh N vay cho đến nay chị chưa nhận bất kỳ khoản tiền lãi nào hay tiền nợ gốc nào do anh N trả cả; Bị đơn trình bày trong số tiền 215.000.000 mà chị L khởi kiện thì chỉ có 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên anh N không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về lời trình bày của mình. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì nguyên đơn chị Bùi Thị L yêu cầu anh Nguyễn N phải trả số tiền gốc và lãi suất quá hạn thành 01 lần; Bị đơn anh Nguyễn N thừa nhận giấy nợ nói trên là đúng nhưng xin chị L cho trả một nửa trong số tiền nợ là 107.500.000 đồng và xin nguyên đơn không tính lãi suất thêm nữa. Do các bên không thống nhất được với nhau về thời hạn trả nợ và số tiền phải trả nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Giấy vay tiền ngày 11/02/2017 với số tiền 215.000.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh.

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ chị Bùi Thị L đã đến gặp anh Nguyễn N yêu cầu trả nợ nhưng anh N vẫn không chịu trả nên chị L làm đơn khởi kiện. Như vậy anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét lời trình bày của anh Nguyễn N cho rằng trong số tiền 215.000.000 chỉ có 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên anh N không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cung cấp cho tòa án. Do anh N không chứng minh được trong số tiền 215.000.000 đồng có 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

Xét giấy vay nợ ngày 11/02/2017 hai bên không có thỏa thuận về lãi suất với nhau; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị Bùi Thị L yêu cầu anh Nguyễn N phải trả số tiền gốc 215.000.000 và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 12/5/2017 cho đến khi kết thúc vụ án là có cơ sở nên HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất cụ thể như sau:

Anh N còn phải trả lãi suất quá hạn cho chị L được pháp luật quy định là 15%/năm (tương đương 1,25%/tháng).

$215.000.000 \times 1,25\%/tháng (15\%/năm) \times 27 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 12/5/2017 đến ngày 30/8/2019) = 74.175.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc, tiền lãi quá hạn anh Nguyễn N còn nợ chị Bùi Thị L như sau.

$215.000.000 + 74.175.000 = 289.175.000$ đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L. Buộc anh Nguyễn N phải trả cho chị Bùi Thị L số

tiền gốc, tiền lãi quá hạn là 289.175.000 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn anh Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị L đối với anh Nguyễn N.

Buộc anh Nguyễn N phải trả số tiền là 289.175.000 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) cho chị Bùi Thị L. Trong đó số tiền gốc 215.000.000 (*Hai trăm mười lăm triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn 74.175.000 đồng (*Bảy mươi tư triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 14.458.750 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Buộc anh Nguyễn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.458.750 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Trả lại cho chị Bùi Thị L số tiền là 5.375.000 đồng (*Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) chị Bùi Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002986, ngày 31/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phan Long Ca